

## **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo s kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 38

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### BAN ĐIỀU HÀNH

#### Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020

#### Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Vinh Quang - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 2020.02/UQ-HĐQT ngày 01 tháng 5 năm 2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 66829592/11852560-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.292.234.426.657</b>	<b>1.225.314.695.236</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>48.577.339.437</b>	<b>25.366.907.371</b>
111	1. Tiền		44.577.339.437	7.366.907.371
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	18.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>2.072.271.846.251</b>	<b>1.037.630.913.242</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.074.064.142.947	1.037.630.913.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.792.296.696)	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>170.976.484.180</b>	<b>161.983.240.946</b>
131	1. Phải thu khách hàng		-	4.748.973.893
132	2. Trả trước cho người bán		31.927.500	71.527.500
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	11.109.074.162	100.822.393.130
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	159.835.482.518	56.340.346.423
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>408.756.789</b>	<b>333.633.677</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	356.664.901	32.324.800
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	52.091.888	301.308.877
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.936.444.906.912</b>	<b>1.806.915.953.616</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>8</b>	<b>42.548.912</b>	<b>27.209.537</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		42.548.912	27.209.537
222	- Nguyên giá		64.357.000	30.797.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.808.088)	(3.587.463)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.934.817.616.876</b>	<b>1.806.401.786.175</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	9	2.934.817.616.876	1.806.401.786.175
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.584.741.124</b>	<b>486.957.904</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	247.678.145	336.117.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	1.242.018.052	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	95.044.927	150.840.070
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.228.679.333.569</b>	<b>3.032.230.648.852</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.896.600.162.907</b>	<b>2.764.625.287.044</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.711.100.162.907</b>	<b>2.764.625.287.044</b>
311	1. Vay ngắn hạn	12	206.300.000.000	707.510.000.000
312	2. Phải trả người bán	13	32.179.115.956	88.641.574.326
313	3. Người mua trả tiền trước		858.280.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.479.588.998	25.375.087.830
315	5. Phải trả người lao động		234.635.591	6.008.875.486
316	6. Chi phí phải trả		386.208.166	208.016.177
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	4.459.991.167.003	1.936.253.338.921
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.671.167.193	628.394.304
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>185.500.000.000</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	185.500.000.000	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>332.079.170.662</b>	<b>267.605.361.808</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	181.781.691.011	120.308.382.392
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	21.785.697.029	18.785.196.794
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.228.679.333.569</b>	<b>3.032.230.648.852</b>

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

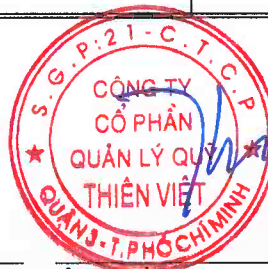
B01-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b>		<b>33.810.000.000</b>	<b>22.400.000.000</b>
007	- Chứng khoán giao dịch		33.810.000.000	22.400.000.000
<b>030</b>	<b>2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>161.155.734.592</b>	<b>55.176.003.611</b>
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	27	161.155.734.592	55.176.003.611
<b>040</b>	<b>3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>2.543.977.522.919</b>	<b>2.315.538.961.715</b>
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	28	2.543.977.522.919	2.315.538.961.715
<b>050</b>	<b>4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>65.883.288.362</b>	<b>28.037.792.313</b>
050		29	65.883.288.362	28.037.792.313
<b>051</b>	<b>5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>18.048.283.672</b>	<b>75.097.377.891</b>
051		30	18.048.283.672	75.097.377.891

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		25.931.894.233	124.901.662.829
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	25.931.894.233	124.901.662.829
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	19	(11.856.162.376)	(15.950.770.486)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		14.075.731.857	108.950.892.343
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	368.425.028.394	108.349.144.103
22	6. Chi phí tài chính	21	(289.507.883.829)	(60.000.236.973)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(6.160.917.439)	(6.484.732.761)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.831.958.983	150.815.066.712
32	9. Chi phí khác	23	(225.006.804)	(627.579.462)
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		86.606.952.179	150.187.487.250
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(18.612.388.488)	(28.631.878.437)
52	12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	1.242.018.052	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		69.236.581.743	121.555.608.813
	Trong đó:			
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ		64.991.525.483	118.345.254.109
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát		4.245.056.260	3.210.354.704
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	5.199	9.064

*Phạm Uyên Vy*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Nguyễn Thị Anh Tú*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



*Trần Vinh Quang*  
Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>86.606.952.179</b>	<b>150.187.487.250</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định	8	18.220.625	3.587.463
03	2. Các khoản dự phòng		1.792.296.696	-
05	3. Lãi từ hoạt động đầu tư		(274.598.685.947)	(108.349.144.103)
06	4. Chi phí lãi vay		46.209.448.501	20.773.237.913
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>(139.971.767.946)</b>	<b>62.615.168.523</b>
09	1. Giảm/(tăng) các khoản phải thu		80.282.573.386	(102.295.015.891)
11	2. Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.448.168.197.321	2.018.183.570.559
12	3. Giảm/(tăng) chi phí trả trước		(235.900.412)	91.813.969
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(34.090.230.128)	(16.653.084.097)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36.257.701.208)	(8.761.675.609)
16	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(852.545.078.604)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.317.895.171.013</b>	<b>1.100.635.698.850</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(33.560.000)	(30.797.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.271.879.460.785)	(1.763.335.936.175)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		2.189.525.883.703	236.264.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(206.680.801.975)	(65.018.440.896)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.929.122.049	68.480.983.137
27	6. Lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		238.884.078.061	21.392.619.567
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.979.254.738.947)</b>	<b>(1.502.247.571.367)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		280.000.000	-
33	2. Tiền vay nhận được		2.153.642.000.000	1.616.323.500.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.469.352.000.000)	(1.188.023.500.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(6.250.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(315.430.000.000)</b>	<b>422.050.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		23.210.432.066	20.438.127.483
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	25.366.907.371	4.928.779.888
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	48.577.339.437	25.366.907.371



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm						Số cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2021 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2022 VND	Năm 2021		Năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND		
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000		
2. Quỹ dự phòng tài chính	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311		
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311		
4. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	8.466.435.508	120.308.382.392	118.345.254.109	(6.503.307.225)	66.516.081.508	(5.042.772.889)	120.308.382.392	181.781.691.011		
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	15.574.842.090	18.785.196.794	3.210.354.704	-	3.000.500.235	-	18.785.196.794	21.785.697.029		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>152.553.060.220</b>	<b>267.605.361.808</b>	<b>121.555.608.813</b>	<b>(6.503.307.225)</b>	<b>69.516.581.743</b>	<b>5.042.772.889</b>	<b>267.605.361.808</b>	<b>332.079.170.662</b>		

*[Handwritten signature]*



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Công ty con**

Công ty có công ty con là Công ty cổ phần Finsight với tỷ lệ sở hữu là 91,37% (tương đương giá trị 164.800.000.000 đồng vốn góp).

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 8 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại lầu 7, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 18 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 18 người).

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114. Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Các khoản đầu tư

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

#### *Đầu tư tài chính ngắn hạn*

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

#### *Đầu tư tài chính dài hạn khác*

Chứng khoán và đầu tư vào công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.9 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

#### 3.9.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

### 3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### 3.11 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11 Thuế (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3.12 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

#### *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.13 Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản chính đầu tư tài ngắn và dài hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản vay ngắn và dài hạn, phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.14 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	65.345.094	70.018.057
Tiền gửi không kì hạn	44.511.994.343	7.296.889.314
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	4.000.000.000	18.000.000.000
	<b>48.577.339.437</b>	<b>25.366.907.371</b>

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>	<b>13.125.000.000</b>	<b>24.786.000.000</b>
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	-
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	24.786.000.000
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>169.691.799.399</b>	<b>24.957.658.434</b>
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	119.358.831.399	24.957.658.434
Công ty cổ phần Giải trí và giáo dục Galaxy	29.632.968.000	-
Công ty cổ phần Galaxy Education	20.700.000.000	-
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>20.685.000.000</b>	-
<b>Trái phiếu chưa niêm yết (i)</b>	<b>683.718.153.023</b>	<b>924.352.826.571</b>
<b>Chứng chỉ tiền gửi (ii)</b>	<b>544.437.868.060</b>	<b>62.791.428.237</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi (iii)</b>	<b>430.576.322.465</b>	<b>743.000.000</b>
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>211.830.000.000</b>	-
	<b>2.074.064.142.947</b>	<b>1.037.630.913.242</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	(1.792.296.696)	-
	<b>2.072.271.846.251</b>	<b>1.037.630.913.242</b>

(i) Bao gồm trong khoản mục này là trái phiếu của các tổ chức tín dụng ("TCTD"), trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó, trái phiếu của các TCTD có kỳ hạn từ trên 7 đến 8 năm, lãi suất từ 6,475% đến 8,23%; trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ dưới 1 đến 2 năm, lãi suất từ 10,00% đến 13,00%.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn từ dưới 1 năm đến 2 năm và lãi suất từ 7,80% đến 8,20%.

(iii) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn từ dưới 1 năm đến 1 năm và lãi suất từ 7,00% đến 11,60%.

Do Chuẩn mực kế toán Việt Nam hay Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính tại ngày báo cáo.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

### 6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	11.109.074.162	82.214.633.634
Phải thu phí quản lý quỹ	-	18.490.246.496
Phải thu khác	-	117.513.000
	<b>11.109.074.162</b>	<b>100.822.393.130</b>

### 6.2 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	136.115.599.659	47.144.795.171
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	23.719.882.859	9.195.551.252
	<b>159.835.482.518</b>	<b>56.340.346.423</b>

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ pháp lý	262.440.000	-
Phí sửa chữa văn phòng	47.058.541	-
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	28.197.085	-
Phí bảo hiểm xe	-	8.475.200
Khác	18.969.275	23.849.600
	<b>356.664.901</b>	<b>32.324.800</b>

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Máy móc thiết bị VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	30.797.000
Mua trong năm	33.560.000
Số cuối năm	<b>64.357.000</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Số đầu năm	3.587.463
Khấu hao trong năm	18.220.625
Số cuối năm	<b>21.808.088</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<b>27.209.537</b>
Số cuối năm	<b>42.548.912</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>2.809.744.766.876</b>	<b>1.805.328.936.175</b>
Đầu tư trái phiếu TCTD (i)	2.652.589.769.932	1.497.499.603.742
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	113.555.113.506	-
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (ii)	43.599.883.438	147.770.524.283
Chứng chỉ tiền gửi	-	60.058.808.150
Tiền gửi có kỳ hạn	-	100.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>125.072.850.000</b>	<b>1.072.850.000</b>
	<b>2.934.817.616.876</b>	<b>1.806.401.786.175</b>

(i) Trái phiếu của TCTD có kỳ hạn từ trên 6 đến 10 năm, lãi suất từ 6,13%/năm đến 9,90%/năm.

(ii) Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết có kỳ hạn từ trên 3 năm, lãi suất từ 10,50%/năm đến 10,95%/năm.

Nhóm Công ty có sử dụng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 300 tỷ đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 250 tỷ đồng).

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	104.757.790	276.859.785
Chứng thư sổ công cộng	61.689.430	-
Đồng phục nhân viên	42.900.000	-
Cước dịch vụ internet	28.285.714	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	2.333.328
Khác	10.045.211	56.924.721
	<b>247.678.145</b>	<b>336.117.834</b>

## 11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc phí lưu ký	17.146.727	72.941.870
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Khác	1.000.000	1.000.000
	<b>95.044.927</b>	<b>150.840.070</b>



## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm VND	Số tăng trong năm VND	Số giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>707.510.000.000</b>	<b>1.783.642.000.000</b>	<b>(2.284.852.000.000)</b>	<b>206.300.000.000</b>
Vay ngân hàng (i)	249.950.000.000	434.600.000.000	(499.950.000.000)	184.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	199.950.000.000	249.600.000.000	(349.950.000.000)	99.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	185.000.000.000	(150.000.000.000)	85.000.000.000
Vay cá nhân (ii)	457.560.000.000	1.349.042.000.000	(1.784.902.000.000)	21.700.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(114.500.000.000)</b>	<b>185.500.000.000</b>
Vay cá nhân	-	300.000.000.000	(114.500.000.000)	185.500.000.000
	<b>707.510.000.000</b>	<b>2.083.642.000.000</b>	<b>(2.399.352.000.000)</b>	<b>391.800.000.000</b>

(i) Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 5 tháng đến 6 tháng với lãi suất từ 7,00%/năm đến 8,00%/năm. Các khoản vay này đang được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu của Công ty với tổng số tiền là 300 tỷ đồng.

(ii) Các khoản vay cá nhân ngắn hạn với kỳ hạn dưới 12 tháng và lãi suất từ 8,42%/năm đến 10,00%/năm. Các khoản vay cá nhân dài hạn với kỳ hạn dưới 2 năm và lãi suất 9,50%/năm.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí quản lý phải trả	32.170.115.956	8.351.426.926
Phí dịch vụ	9.000.000	-
Phải trả mua trái phiếu kinh doanh	-	80.290.147.400
	<b>32.179.115.956</b>	<b>88.641.574.326</b>

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.168.649.286	18.612.388.488	(36.257.701.208)	3.523.336.566
Thuế thu nhập cá nhân	4.195.755.544	17.197.554.619	(19.437.057.731)	1.956.252.432
Thuế GTGT đầu ra	10.683.000	-	(10.683.000)	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	<b>25.375.087.830</b>	<b>35.815.943.107</b>	<b>(55.711.441.939)</b>	<b>5.479.588.998</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT đầu vào	<b>301.308.877</b>	<b>1.036.641.996</b>	<b>(1.285.858.985)</b>	<b>52.091.888</b>

## 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khách hàng	4.443.516.798.717	1.931.888.231.499
Lãi dự chi	16.474.368.286	4.355.149.913
Khác	-	9.957.509
	<b>4.459.991.167.003</b>	<b>1.936.253.338.921</b>

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn góp cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

#### 16.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng công VND
Số đầu năm	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	120.308.382.392	18.785.196.794	267.605.361.808
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	64.991.525.483	4.245.056.260	69.236.581.743
NCI thay đổi trong năm	-	-	-	-	(1.244.556.025)	280.000.000
do góp vốn vào Finsight	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(5.042.772.889)	-	(5.042.772.889)
<b>Số cuối năm</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>181.781.691.011</b>	<b>21.785.697.029</b>	<b>332.079.170.662</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 17. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Số đầu năm	18.785.196.794	15.574.842.090
Góp vốn trong năm	280.000.000	-
Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ sở hữu	(1.524.556.025)	-
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	4.245.056.260	3.210.354.704
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.785.697.029</b>	<b>18.785.196.794</b>

## 18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý danh mục đầu tư	20.471.211.640	91.668.846.601
Phí quản lý quỹ	3.454.682.593	30.036.965.619
Doanh thu hoạt động khác	2.006.000.000	3.195.850.609
	<b>25.931.894.233</b>	<b>124.901.662.829</b>

## 19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	7.790.787.874	13.181.982.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.632.844.032	150.633.492
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ	650.000.000	-
Chi phí thuê văn phòng	610.957.686	550.765.586
Chi phí đồ dùng văn phòng	487.707.650	306.110.896
Thuế, phí và lệ phí	25.500.000	3.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.954.961	-
Chi phí bằng tiền khác	650.410.173	1.758.278.342
	<b>11.856.162.376</b>	<b>15.950.770.486</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi trái phiếu đầu tư	248.956.183.663	45.217.442.409
Lãi từ bán, thanh lý chứng khoán đầu tư	93.422.499.825	42.547.512.497
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi	14.846.344.906	11.323.133.719
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.200.000.000	8.680.000.000
Lãi cho vay cá nhân	-	535.940.603
Khác	-	45.114.875
	<b><u>368.425.028.394</u></b>	<b><u>108.349.144.103</u></b>

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư	238.296.490.707	38.664.953.063
Lãi vay cá nhân	31.819.091.787	8.421.469.461
Lãi vay ngân hàng	14.390.356.714	12.351.768.452
Lỗ từ đánh giá lại khoản đầu tư	1.792.296.696	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.406.354.317	369.500.000
Khác	1.803.293.608	192.545.997
	<b><u>289.507.883.829</u></b>	<b><u>60.000.236.973</u></b>

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	3.643.399.091	4.171.787.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.116.499	766.238.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	234.372.046	237.720.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.265.664	3.587.463
Thuế, phí và lệ phí	51.150.359	8.201.129
Chi phí khác	758.613.780	1.297.198.321
	<b><u>6.160.917.439</u></b>	<b><u>6.484.732.761</u></b>

## 23. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi từ thiện	-	326.200.000
Tiền chậm nộp thuế	6.691	8.376.462
Chi phí vi phạm hành chính	-	60.000.000
Khác	225.000.113	233.003.000
	<b><u>225.006.804</u></b>	<b><u>627.579.462</u></b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm (2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>86.606.952.179</b>	<b>150.187.487.250</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty</b>	<b>17.321.390.436</b>	<b>30.037.497.451</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Điều chỉnh tăng doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	1.242.018.052	-
- Chi phí không được khấu trừ	48.980.000	49.675.292
<b>Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>18.612.388.488</b>	<b>30.087.172.743</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	12.582.339
Chi phí thuế TNDN được giảm	-	(1.467.876.645)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>18.612.388.488</b>	<b>28.631.878.437</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 24.3 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	1.242.018.052	-	1.242.018.052	-
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>1.242.018.052</b>	<b>-</b>

## 25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Nhóm Công ty:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (VND)	64.991.525.483	118.345.254.109
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(5.042.772.889)
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)</b>	<b>64.991.525.483</b>	<b>113.302.481.220</b>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)</b>	<b>12.500.000</b>	<b>12.500.000</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.199	9.064

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 3003/2022/NQ-HĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin trên được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	4.177.446.840	60.850.735.303
		Tặng tiền gửi ủy thác	2.467.912.333.521	2.137.691.947.986
		Giảm tiền gửi ủy thác	(2.373.811.107.061)	(2.182.491.268.353)
		Cổ tức	-	(6.240.000.000)
		Phí lưu ký, môi giới	(43.727.609)	(21.629.220)
Quỹ Đầu tư trưởng TVAM	Tăng Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	8.238.639.413
		Cổ tức	-	4.800.000.000
		Lãi từ thanh lý đóng quỹ	-	12.761.085.800
Quỹ Đầu tư trưởng Thiên Việt 2	Tăng Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	375.553.294	20.990.469.108
		Cổ tức	11.200.000.000	3.880.000.000
		Thu từ thanh lý khoản đầu tư	23.816.108.579	-
Quỹ Đầu tư trưởng Thiên Việt 3	Tăng Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	2.109.469.681	807.857.098
		Thu phí phát hành chứng chỉ	-	1.990.080.000
Quỹ Đầu tư trưởng Thiên Việt 4	Tăng Bên liên quan	Thu phí phát hành chứng chỉ	2.006.000.000	-
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	969.659.618	-
Hội đồng và Tổng Giám đốc	Quản trị Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	1.363.200.000	4.173.866.666
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight	140.000.000	-
		Vay cá nhân	681.300.000.000	911.392.000.000
		Chi phí lãi vay	3.855.571.232	5.526.317.234
		Cho vay cá nhân	136.670.000.000	226.264.000.000
		Doanh thu lãi vay	470.741.918	535.940.603



## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp tục)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight	140.000.000	-
		Vay cá nhân	309.142.000.000	325.140.000.000
		Chi phí lãi vay	3.015.563.563	2.294.124.383
		Cho vay cá nhân	60.000.000.000	-
		Thu nhập lãi vay	204.712.329	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Vốn góp tại Finsight	15.000.000.000	15.000.000.000
		Phải thu phí quản lý	-	55.562.756.695
		Phải trả phí mua trái phiếu tự doanh	-	80.290.147.400
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	24.786.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	18.490.246.496
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	13.125.000.000	-
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vay ngắn hạn	-	(256.930.000.000)
		Vốn góp tại Finsight	280.000.000	140.000.000
		Lãi vay phải trả	-	1.494.056.264
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	280.000.000	140.000.000
		Vay ngắn hạn	-	174.930.000.000
		Lãi vay phải trả	-	873.743.836

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 27. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	55.176.003.611	98.650.782.848
Tăng trong năm	6.758.969.244.743	6.313.792.102.865
Giảm trong năm	(6.652.989.513.762)	(6.357.266.882.102)
<b>Số cuối năm</b>	<b>161.155.734.592</b>	<b>55.176.003.611</b>

## 28. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch</b>	<b>575.433.883.097</b>	<b>389.936.369.783</b>
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
ACB	36.455.223.153	-
BVH	6.115.857.283	-
CTD	14.767.080.000	-
DMC	-	27.037.733
DPR	19.345.362.154	-
DXG	3.658.781.857	-
DXS	38.433.989.721	-
FPT	6.523.309.172	-
HPG	85.879.110.784	-
MBB	16.924.199.283	-
PLX	1.382.480.565	24.384.932.728
PVP	39.515.541.433	46.069.920.000
TCB	19.975.893.334	56.801.534.574
VNM	-	50.498.682.088
VPB	31.050.572.121	-
Các loại mã chứng khoán khác	138.036.142.731	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>46.191.507.579</b>	<b>31.479.897.337</b>
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>	<b>303.554.448.352</b>	<b>714.374.355.358</b>
<i>Trong đó, các chứng chỉ quỹ bị suy giảm giá trị:</i>		
E1VFN30	10.145.946.036	-
FUEMAV30	31.487.828.219	-
FUESSV30	20.059.313.292	28.165.139.404
FUESSV50	21.536.445.836	-
FUESSVFL	46.665.295.151	-
FUEVFN30	22.030.521.400	-
FUEVN100	42.526.152.280	-
<b>Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết</b>	<b>239.130.093.102</b>	-
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>49.885.773.313</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>120.620.529.216</b>	<b>25.848.600.000</b>
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>1.009.192.110.176</b>	<b>1.143.899.739.237</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi</b>	<b>199.969.178.084</b>	-
	<b>2.543.977.522.919</b>	<b>2.315.538.961.715</b>

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 29. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải thu lãi tiền gửi	56.735.690.190	24.809.203.058
Phải thu bán chứng khoán	7.703.630.680	2.181.283.655
Phải thu cổ tức	1.378.899.000	1.047.305.600
Phải thu khác, tài sản khác	65.068.492	-
	<b>65.883.288.362</b>	<b>28.037.792.313</b>

### 30. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả phí quản lý danh mục	11.042.817.821	60.814.791.349
Phải trả tiền mua chứng khoán	6.813.950.000	14.217.920.000
Phải trả phí khác	191.515.851	64.666.542
	<b>18.048.283.672</b>	<b>75.097.377.891</b>

### 31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Dưới 1 năm	1.715.921.300	936.637.147
Từ 1 đến 5 năm	1.457.762.460	441.810.250
	<b>3.173.683.760</b>	<b>1.378.447.397</b>

### 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## **32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **32.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vì các khoản tiền gửi của Nhóm Công ty có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

### **32.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **32.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>						
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.577.339.437	4.000.000.000	-	-	-	48.577.339.437
Đầu tư ngắn hạn	734.015.866.998	244.441.531.540	1.095.606.744.409	-	-	2.074.064.142.947
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	11.109.074.162	-	-	-	11.109.074.162
Phải thu khác	-	90.634.637.148	69.197.165.918	-	3.679.452	159.835.482.518
Đầu tư dài hạn	-	-	-	283.479.882.399	2.651.337.734.477	2.934.817.616.876
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	61.898.200	33.146.727	95.044.927
	<b>778.593.206.435</b>	<b>350.185.242.850</b>	<b>1.164.803.910.327</b>	<b>283.541.780.599</b>	<b>2.651.374.560.656</b>	<b>5.228.498.700.867</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay ngắn hạn	-	206.300.000.000	-	-	-	206.300.000.000
Phải trả người bán	9.000.000	32.170.115.956	-	-	-	32.179.115.956
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	-	-	858.280.000
Vay dài hạn	-	-	-	185.500.000.000	-	185.500.000.000
Chi phí phải trả	-	386.208.166	-	-	-	386.208.166
Nợ phải trả khác	-	4.443.516.798.717	-	-	-	4.443.516.798.717
	<b>9.000.000</b>	<b>4.683.231.402.839</b>	<b>-</b>	<b>185.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.868.740.402.839</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>						
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.366.907.371	18.000.000.000	-	-	-	25.366.907.371
Đầu tư ngắn hạn	1.036.887.913.242	743.000.000	-	-	-	1.037.630.913.242
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	100.822.393.130	-	-	-	100.822.393.130
Phải thu khác	-	-	61.089.320.316	-	-	61.089.320.316
Đầu tư dài hạn	-	-	-	1.806.401.786.175	-	1.806.401.786.175
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	150.840.070	-	150.840.070
	<b>1.044.254.820.613</b>	<b>119.565.393.130</b>	<b>61.089.320.316</b>	<b>1.806.552.626.245</b>	<b>-</b>	<b>3.031.462.160.304</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay ngắn hạn	-	-	707.510.000.000	-	-	707.510.000.000
Chi phí phải trả	-	208.016.177	-	-	-	208.016.177
Nợ phải trả khác	-	-	2.024.894.913.247	-	-	2.024.894.913.247
	<b>-</b>	<b>208.016.177</b>	<b>2.732.404.913.247</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.732.612.929.424</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.577.339.437	25.366.907.371	48.577.339.437	25.366.907.371
Đầu tư ngắn hạn	2.074.064.142.947	1.037.630.913.242	2.080.146.846.251	2.596.932.906.520
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	11.109.074.162	100.822.393.130	11.109.074.162	100.822.393.130
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	159.835.482.518	61.089.320.316	159.835.482.518	61.089.320.316
Tài sản tài chính dài hạn khác	95.044.927	150.840.070	95.044.927	150.840.070
Đầu tư dài hạn khác	2.934.817.616.876	1.806.401.786.175	2.934.817.616.876	1.806.401.786.175
	<b>5.228.498.700.867</b>	<b>3.031.462.160.304</b>	<b>5.234.581.404.171</b>	<b>4.590.764.153.582</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay ngắn hạn	206.300.000.000	707.510.000.000	206.300.000.000	707.510.000.000
Phải trả người bán	32.179.115.956	-	32.179.115.956	-
Người mua trả tiền trước	858.280.000	-	858.280.000	-
Vay dài hạn	185.500.000.000	-	185.500.000.000	-
Chi phí phải trả	386.208.166	208.016.177	386.208.166	208.016.177
Nợ phải trả tài chính khác	4.459.991.167.003	2.024.894.913.247	4.459.991.167.003	2.024.894.913.247
	<b>4.885.214.771.125</b>	<b>2.732.612.929.424</b>	<b>4.885.214.771.125</b>	<b>2.732.612.929.424</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn niêm yết lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là ngày giao dịch cuối cùng trong năm. Đối với giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào tổ chức khác lấy theo giá ghi sổ.





